

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **44/2018/DS-PT**

Ngày 19/9/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Huy Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương.
Bà Lê Thu Hương.

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương. Thư ký TAND tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2018/TLPT-DS ngày 06/8/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Y.Đ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Quý tín dụng nhân dân cơ sở Q.L.

Địa chỉ: Thôn..., xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tr. N.H - Chủ tịch HĐQT

II. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân C - Sinh năm 1951.

Địa chỉ: Thôn..., xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H.

Luật sư, thuộc Công ty luật hợp danh Th.L – Đoàn luật sư Hà Nội.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị Ng - SN 1952.

Địa chỉ: Thôn..., xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Hà Trọng Đ – Sinh năm 1979.

Địa chỉ: P.. – CT... - Khu đô thị T.T.Đ, xã T.L, huyện Đ.P, TP Hà Nội.

IV. Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị H - Sinh năm 1962.

Nơi ĐKKHKT: thôn ..., xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện là phạm nhân đang cải tạo phân trại số..., trại giam số..., Bộ Công an

2. Chị Hoàng Thị Ng. Sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn ..., xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- *Do có kháng cáo của:* ông Nguyễn Văn C (bị đơn), bà Nguyễn Thị Ng (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa: Có mặt đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Q.L; ông Nguyễn Xuân C và Luật sư Nguyễn Văn H; ông Hà Trọng Đ; chị Hoàng Thị Ng. Vắng và bà Trịnh Thị Ng và bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Theo nguyên đơn trình bày: Ngày 17/4/2014 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L có ký hợp đồng tín dụng số 216/HĐTD/2014 với ông Nguyễn Xuân C với nội dung: Quỹ tín dụng Q.L cho ông C vay số tiền 260.000.000đ theo hình thức vay từng lần, lãi xuất 1,35%/tháng, lãi xuất quá hạn là 150% lãi xuất vay, thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi trả vào ngày vay hàng tháng, tiền gốc trả một lần khi hết thời hạn vay.

Trong quá trình vay nợ, ông Nguyễn Xuân C đã trả được 31.590.000đ tiền lãi nhưng chưa trả được đồng tiền gốc nào.

Khi hết thời hạn vay, cán bộ quỹ tín dụng đã đến nhà yêu cầu ông C trả nợ nhiều lần nhưng ông C vẫn không trả nợ gốc theo cam kết.

Do đó Quỹ tín dụng nhân dân Q.L yêu cầu ông Nguyễn Xuân C phải trả cho quỹ tín dụng số tiền gốc là 260.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 214.695.000đ, tổng cả hai khoản là **474.695.000đ**.

2. Theo bị đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày: Gia đình ông và gia đình bà Phạm Thị H là hàng xóm cạnh nhau và là chỗ thân thiết. Khoảng tháng 4/2014, bà H có hỏi vay tiền ông C nhưng do gia đình không có sẵn tiền cho vay nên bà H nhờ vợ chồng ông C đứng ra lập hồ sơ tín dụng để vay tiền. Theo bà H thì bà có mối quan hệ với Quỹ tín dụng nhân dân Q.L nên chỉ cần có tài sản bảo đảm là bà H có thể xây dựng hồ sơ và quỹ vẫn cho vay tiền bình thường. Số tiền vay được mà Quỹ tín dụng giải ngân sẽ do bà H trực tiếp nhận, bà H tự chịu trách nhiệm chi trả tiền gốc, lãi hàng tháng cho Quỹ tín dụng Q.L, bao giờ bà H trả đủ tiền thì sẽ mang số đồ về trả cho gia đình ông.

Để lập hồ sơ vay vốn, bà H và Quỹ tín dụng hướng dẫn làm hồ sơ với lý do vay để mua đất nhưng thực tế gia đình ông không kinh doanh đất. Sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, ông C không trực tiếp nhận tiền và trả tiền gốc, lãi do bà H thực hiện.

Đối với tài sản thế chấp với Quỹ tín dụng Q.L là tài sản chung giữa ông C và vợ là bà Trịnh Thị Ng, khi mang đi thế chấp thì ông không hỏi ý kiến bà Ng và bà Ng cũng không tham gia giao dịch này. Nay bà Ng yêu cầu ông C phải có trách nhiệm mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và bà Ng tuyên bố không chịu trách nhiệm gì đối với giao dịch mà ông C đã thực hiện.

Việc Quỹ tín dụng nhân dân Q.L kiện ông thanh toán số tiền theo HĐ tín dụng là 260.000.000đ và tiền lãi là 181.701.000đ, tổng cả gốc và lãi là 441.701.000đ ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện này vì ông không được nhận số tiền giải ngân từ quỹ tín dụng Q.L. Toàn bộ hồ sơ vay vốn đều là gian dối để hợp thức hóa việc vay vốn.

Vì vậy ông đề nghị Tòa án tuyên bố HĐ tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 và HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo điều 128 BLDS 2005; Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông.

Ngày 26/02/2018 ông Nguyễn Xuân C có đơn phản tố với nội dung: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Q.L vì HĐ tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 và HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo điều 128 BLDS 2005.

Ông C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y.Đ căn cứ điều 72 Bộ luật TTDS 2015 để tuyên bố HĐ tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 và HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo điều 128 BLDS 2005; Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông.

Vì vậy ông không đồng ý trả tiền cho Quỹ tín dụng Q.L và đề nghị Quỹ tín dụng Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vì đã vi phạm quy định tại điều 128 của BLDS năm 2005 đó là việc lập hợp đồng là giả mạo, vi phạm điều cấm của pháp luật.

3. Theo bà Trịnh Thị Ng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Gia đình bà và gia đình bà Phạm Thị H là hàng xóm với nhau, lâu nay quan hệ giữa hai gia đình tương đối thân thiện. Tuy nhiên do bà H ngày càng ăn nên làm ra nên mối quan hệ giữa hai gia đình ngày càng xa dần.

Khoảng cuối năm 2015, khi bà biết được tin bà H bỏ trốn rồi sau đó bị công an bắt để điều tra về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong quá trình điều tra bà được biết gia đình bà được Công an huyện Y.Đ và Tòa án nhân dân huyện Y.Đ mời tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì bà mới biết là chồng bà cho bà H vay số tiền 260.000.000đ. Ban đầu bà không tin vì gia đình không có tiền, sau này qua làm việc với các cơ quan chức năng mới biết được chồng bà là ông C có đề nghị Quỹ tín dụng Q.L cho bà H vay tiền và đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà.

Toàn bộ việc vay mượn hay thỏa thuận giữa Quỹ tín dụng Q.L với bà H và ông C thì bà không biết. Do đó hiện nay Quỹ tín dụng Q.L khởi kiện ông C để yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng bà không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án đánh giá đầy đủ mối quan hệ giữa ông C và Quỹ tín dụng Q.L bởi lẽ đây là giao

dịch giả tạo vì gia đình bà không có ý định mua đất, quá trình xét duyệt hồ sơ cũng không cho bà biết.

Vì vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y.Đ tuyên bố HĐ tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 và HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo điều 128 BLDS 2005; Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.Đ đã quyết định:

1. Áp dụng điều điều 128; điều 129; điều 136; điều 471; điều 474; điều 476; điều 478 BLDS năm 2005 và điều 357 của BLDS năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Q.L, buộc ông Nguyễn Xuân C, trú tại Thôn 1, xã Q.L, huyện Y.Đ, Thanh Hóa phải trả số tiền gốc là 260.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 214.695.000đ. Tổng số tiền cả gốc và lãi buộc ông Nguyễn Xuân C phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là **474.695.000đ**.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trịnh Thị Ng về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông Nguyễn Xuân C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L.

- Án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 03/7/2018, ông Nguyễn Xuân C (bị đơn) và bà Trịnh Thị Ng (người có QLNVLQ) kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị xét xử lại vụ án.

* Ngày 30/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung; Do cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

* **Tại phiên tòa phúc thẩm:** - Nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên kháng nghị. Các bên không có thỏa thuận được với nhau về những nội dung tranh chấp nên đề nghị xét xử theo pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Để lập hồ sơ vay vốn, bà H và Quỹ tín dụng hướng dẫn làm hồ sơ với lý do vay để mua đất nhưng thực tế gia đình ông không kinh doanh đất. Sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, ông C không trực tiếp nhận tiền và trả tiền gốc, lãi mà do bà H thực hiện nên bà H phải chịu trách nhiệm trả nợ.

Đối với tài sản thế chấp là tài sản chung giữa ông C và vợ là bà Trịnh Thị Ng, khi mang đi thế chấp thì ông không hỏi ý kiến bà Ng và bà Ng cũng không tham gia giao dịch này.

Đề nghị Tòa án tuyên bố HĐ tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 và HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo điều 128 BLDS 2005; Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông.

- Ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bà Trịnh Thị Ng: Toàn bộ việc vay mượn hay thỏa thuận giữa Quỹ tín dụng Q.L với bà H và ông C thì bà không biết. Do đó hiện nay Quỹ tín dụng Q.L khởi kiện ông C để yêu cầu trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng bà không đồng ý. Bởi lẽ đây là giao dịch giả tạo vì gia đình bà không có ý định mua đất, quá trình xét duyệt hồ sơ cũng không cho bà biết.

Vì vậy bà đề nghị Tòa án tuyên bố HĐ tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 và HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật theo điều 128 BLDS 2005; Buộc Quỹ tín dụng Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà Ng và ông C.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Thư ký đều tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về Hợp đồng tín dụng: Ông C là người trực tiếp ký vào hồ sơ vay vốn và Hợp đồng tín dụng cũng như trực tiếp ký vào mục người nhận tiền của Phiếu chi tiền và giấy nhận nợ với Quỹ tín dụng nhân dân Q.L vào ngày 17/4/2014. Ông C tham gia ký kết các giấy tờ văn bản là người đủ năng lực hành vi dân sự, không có bị ép buộc, các chữ ký, chữ viết đều là tự nguyện, là hợp pháp nên phải chịu trách nhiệm về chữ ký của mình theo quy định của pháp luật. Không có cơ sở để tuyên bố hợp đồng tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 là vô hiệu như yêu cầu của ông C.

Việc ông C cho rằng không được nhận tiền từ Quỹ tín dụng Q.L mà số tiền này do bà Phạm Thị H trực tiếp nhận. Nhưng căn cứ vào hồ sơ và các giấy tờ thể hiện, cùng ngày 17/4/2014 tại Phiếu chi số 1704_0024 và Giấy nhận nợ ngày 17/4/2017 ông Nguyễn Xuân C là người ký vào mục “người nhận tiền” và Giấy nhận nợ với số tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là 260.000.000đ. Tại bản tự khai ngày 01/6/2018, bà Phạm Thị H không thừa nhận việc nhận tiền thay cho ông C, việc vay nợ giữa ông C và quỹ tín dụng Q.L như thế nào bà không biết. Do đó ông Nguyễn Xuân C phải chịu trách nhiệm trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng Q.L theo HĐTD và các giấy tờ hóa đơn đã ký.

+ Về Hợp đồng thế chấp tài sản số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 được ký giữa ông C và Quỹ tín dụng nhân dân Q.L để đảm bảo cho khoản tiền vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại: thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8, thôn 8, xã Q.L, huyện Y.Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X483305

ngày 24/4/2003 mang tên bà Trịnh Thị Ng. Đây là tài sản chung vợ chồng ông C và bà Ng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp nhưng HĐ thế chấp số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Q.L với ông Nguyễn Xuân C không có sự tham gia của bà Trịnh Thị Ng. Vì vậy HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Q.L với ông Nguyễn Xuân C chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Do HĐ vi phạm điều cấm của pháp luật, không bị áp dụng thời hiệu nên bà Ng đề nghị Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại điều 128, 136, 137 của Bộ luật dân sự 2005 là có căn cứ chấp nhận. Buộc Quỹ tín dụng nhân dân Q.L trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà Ng.

+ Liên đới trách nhiệm trả nợ: Mặc dù HĐ thế chấp tài sản ký kết không hợp lệ, bị vô hiệu nhưng ngày 15/4/2014 trong “giấy đề nghị vay vốn” bà Ng đã ký vào mục “Người thừa kế” nên bà Ng đã được biết việc ông C chồng bà vay tiền tại Quỹ tín dụng Q.L. Căn cứ vào Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông C trong việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Q.L.

+ Một số thiếu sót về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm đã được làm rõ, quyền lợi của các đương sự đã được đảm bảo không có thắc mắc khiếu nại gì, nên việc hủy án là không cần thiết.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS, đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân C; Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trịnh Thị Ng; Chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Thanh Hóa để sửa án sơ thẩm về những nội dung nêu trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các đương sự, và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, Kiểm sát thanh gia phiên tòa vẫn giữ nguyên kháng nghị. Các bên không có thỏa thuận được với nhau về các nội dung tranh chấp nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét các nội dung kháng cáo và kháng nghị: Ông Nguyễn Xuân C, bà Trịnh Thị Ng kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa các nội dung đều có liên quan đến nhau nên Hội đồng xét xử nhận định chung như sau:

2.1. Xét thủ tục ký hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L và ông Nguyễn Xuân C với nội dung: Quỹ tín dụng nhân dân Q.L đồng ý cho ông C vay số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng), lãi xuất 1,35%/tháng,

lãi xuất quá hạn là 150% lãi xuất vay, thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi trả vào ngày vay hàng tháng, tiền gốc trả một lần khi hết thời hạn vay.

Về trình tự thủ tục ký và các giao dịch các bên đều được thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay kèm theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước. Các bên tham gia ký kết các giấy tờ văn bản đề nghị và hợp đồng đều đủ năng lực hành vi dân sự, không có căn cứ bị ép buộc, lừa dối, các chữ ký, chữ viết đều là tự nguyện nên đều là hợp pháp, các bên phải có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện các văn bản và hợp đồng đã ký.

Việc ông Nguyễn Xuân C cho rằng việc lập hợp đồng tín dụng là không đúng với quy định của pháp luật và yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật là không có cơ sở. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc tuyên bố hợp đồng tín dụng số 216/HĐTD ngày 17/4/2014 là vô hiệu theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

2.2. Xét quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng: Ông Nguyễn Xuân C cho rằng không được nhận tiền từ Quỹ tín dụng Q.L mà số tiền này do bà Phạm Thị H trực tiếp nhận, sự việc này có bà Phạm Thị H và chị Hoàng Thị Ng biết. Ngoài ra quá trình trả lãi ông cũng không biết mà do bà H trả. Vì vậy ông không chịu trách nhiệm về khoản vay này tại Quỹ tín dụng nhân dân Q.L mà trách nhiệm trả nợ là của bà Phạm Thị H. Căn cứ vào hồ sơ và các giấy tờ thể hiện: Hồ sơ đề nghị vay vốn và hợp đồng tín dụng ông C là người trực tiếp ký (như đã phân tích phần 2.1), cùng ngày 17/4/2014 tại Phiếu chi số 1704_0024 (BL12) và Giấy nhận nợ ngày 17/4/2017 (BL11) ông Nguyễn Xuân C là người ký vào mục “người nhận tiền” và Giấy nhận nợ ký vào mục “người nhận nợ” với số tiền vay của Quỹ tín dụng nhân dân Q.L là 260.000.000đ.

Tại bản tự khai ngày 01/6/2018 (BL108), bà Phạm Thị H không thừa nhận việc nhận tiền thay cho ông C, việc vay nợ giữa ông C và Quỹ tín dụng Q.L như thế nào bà không biết. Ngày 02/7/2014 bà H có viết giấy vay nợ ông C 260.000.000đ (BL100) tức là sau khi ông C vay của Quỹ tín dụng Q.L hơn 02 tháng.

Do đây là quan hệ vay tiền tại Quỹ tín dụng, vì vậy các bên đều tuân thủ theo các quy định của nhà nước về cho vay tín dụng thể hiện bằng các văn bản giấy tờ về thủ tục cho vay, nhận tiền và trả tiền đều thông qua các hóa đơn chứng từ được các bên ký nhận theo quy định về quản lý kinh tế của nhà nước. Trong quá trình làm thủ tục vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L, ông Nguyễn Xuân C là người ký các giấy tờ, hợp đồng tín dụng, giấy nhận tiền và giấy nhận nợ. Không có căn cứ nào thể hiện việc bà Phạm Thị H là người ký thay ông C hoặc được ông C ủy quyền nhận số tiền 260.000.000đ tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L.

Vì vậy, ông Nguyễn Xuân C là người trực tiếp ký các thủ tục vay và ký nhận tiền và nhận nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo đúng hợp đồng, giấy nhận tiền và giấy nhận nợ ngày 17/4/2014. Việc

ông C khai vay giúp cho bà Phạm Thị H đây là quan hệ dân sự giữa ông C và bà H, nếu bà H không trả thì ông C có quyền khởi kiện đòi nợ bà H bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Xét các khoản nợ: Theo hợp đồng tín dụng thì thời hạn vay từ ngày 17/4/2014, ngày trả cuối cùng là 17/4/2015 (12 tháng). Khi hết thời hạn vay, ông C mới trả được số tiền lãi là 31.590.000đ. Còn lại số tiền gốc là 260.000.000đ, số tiền lãi tính từ ngày trả lãi cuối cùng 12/01/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (21/6/2018) là 214.695.000đ, tổng cả hai khoản là **474.695.000đ**. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L và ông Nguyễn Xuân C thừa nhận là khoản nợ này hiện nay không có bản án nào của Tòa án các cấp được xét xử hoặc cơ quan có thẩm quyền đang thụ lý giải quyết.

Vì vậy ông Nguyễn Xuân C phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q.L số tiền nợ trên và lãi xuất phát sinh đối với số tiền chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

2.4. Xét yêu cầu độc lập của bà Trịnh Thị Ng về việc yêu cầu tuyên bố HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 là vô hiệu, thấy rằng:

Thừa đất số 37, tờ bản đồ số 8, có diện tích 430m² tại thôn 8, xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND huyện Y.Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X483305 ngày 24/4/2003 đứng tên bà Trịnh Thị Ng. Đây là tài sản chung vợ chồng ông C và bà Ng trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp. Vì vậy HĐ thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L với ông Nguyễn Xuân C không có sự tham gia và ký kết của bà Trịnh Thị Ng là không đúng theo quy định của pháp luật. Do đây là giao dịch dân sự vi phạm điều 128, 136, 137 của Bộ luật dân sự 2005 nên không bị hạn chế về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu. Vì vậy yêu cầu của bà Trịnh Thị Ng và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L với ông Nguyễn Xuân C bị vô hiệu là có căn cứ nên được chấp nhận. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X483305 ngày 24/4/2003 do UBND huyện Y.Đ cấp cho bà Trịnh Thị Ng và ông Nguyễn Xuân C.

2.5. Trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ: Mặc dù hợp đồng thế chấp tài sản 197/HĐTC ngày 17/4/2014 bị vô hiệu, nhưng quá trình ông C vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L, ngày 15/4/2014 trong “giấy đề nghị vay vốn” (BL06) bà Ng đã ký vào mục “Người thừa kế” nên bà Ng đã được biết việc ông C vay tiền tại Quỹ tín dụng Q.L. Căn cứ vào Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông C (là chồng) trong việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L. Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ nên được chấp nhận.

2.6. Đối với các nội dung kháng nghị còn lại của VKS: Trong quá trình thụ lý và tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết theo quy định của bộ luật tố tụng Dân sự, cấp sơ thẩm có một số thiếu sót như: Không yêu cầu bên nguyên đơn phải sao gửi các tài liệu cho bên bị đơn; ông C cung cấp hợp đồng tín dụng phô tô không có chứng thực nhưng không yêu cầu làm rõ; ông C khai bà H là người đứng ra trả lãi hàng tháng nhưng chưa được xác minh làm rõ; chưa xác định khoản nợ vay đã được Cơ quan điều tra kết luận hoặc bản án đã xét xử đối với bà H chưa; không đối chất giữa bà H và những người làm chứng khác để xác định bà H có nhận tiền hay không?

Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã phân tích trên, việc vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L, ông Nguyễn Xuân C là người trực tiếp ký vào hồ sơ vay vốn và Hợp đồng tín dụng, ký nhận vào phiếu chi tiền và giấy nhận nợ 260.000.000đ. Các lời khai của người làm chứng và các yêu cầu của ông C đều không có bất cứ một loại giấy tờ nào thể hiện bà H đứng ra nhận tiền thay cho ông C tại Quỹ tín dụng, bà H không thừa nhận đã nhận tiền tại Quỹ tín dụng. Trong quá trình nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ, thấy rằng mặc dù không được sao gửi cho các đương sự nhưng trong quá trình giải quyết các đương sự cũng đã được biết và tiếp cận các tài liệu chứng cứ. Các đương sự cũng đã có ý kiến đối với các nội dung và tài liệu mà phía các đương sự khác gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đã được xem xét làm rõ, quyền lợi của các đương sự trong vụ án đã được thực hiện, các đương sự không có khiếu nại thắc mắc gì về những nội dung này. Xét thấy các thiếu sót trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án và đã được làm rõ tại cấp phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự theo thẩm quyền.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Xuân C kháng cáo nhưng không đưa ra được những tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho các yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trịnh Thị Ng và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sửa án Dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y.Đ về tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản bị vô hiệu và phân trách nhiệm liên đới bồi thường giữa ông Nguyễn Xuân C và bà Trịnh Thị Ng đối với Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L.

[3]. Về án phí phúc thẩm: - Kháng cáo của bà Ng được chấp nhận một phần đề cải sửa không phải chịu án phí phúc theo quy định của pháp luật.

- Kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc theo quy định của pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân C.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trịnh Thị Ng; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 21/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Y.Đ về phần “Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản bị vô hiệu” và phần “Trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ của ông Nguyễn Xuân C và bà Trịnh Thị Ng”.

1. Áp dụng điều điều 128; điều 136; điều 137 điều 471; điều 474; điều 476; điều 478 BLDS năm 2005 và điều 357 của BLDS năm 2015; điều 27, điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTW Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

- Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản nhà đất số 197/HĐTC ngày 17/4/2014 giữa Quỹ tín dụng nhân dân Q.L và ông Nguyễn Xuân C đối với thửa đất số 37 tờ bản đồ số 8, tại thôn 8, xã Q.L, huyện Y.Đ, tỉnh Thanh Hóa đã được Ủy ban nhân dân huyện Y.Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X483305 cấp ngày 24/4/2003 mang tên bà Trịnh Thị Ng bị vô hiệu. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L phải trả lại cho bà Trịnh Thị Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X483305 cấp ngày 24/4/2003 hiện đang quản lý.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L. Buộc ông Nguyễn Xuân C và bà Trịnh Thị Ng liên đới phải trả số tiền gốc là 260.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi triệu đồng*) và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 214.695.000đ (*Hai trăm mười bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền cả gốc và lãi buộc ông Nguyễn Xuân C và bà Trịnh Thị Ng phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q.L, địa chỉ: Thôn 2, xã Q.L, huyện Y.Đ, Thanh Hóa là **474.695.000đ** (*Bốn trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm chín lăm nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông C và bà Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Ông Nguyễn Xuân C và bà Trịnh Thị Ng phải nộp 22.987.800đ (*Hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Được trừ 600.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu tiền số 02216 ngày 26/02/2018 và số 0004280 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.Đ. Ông C và bà Ng còn phải nộp tiếp 22.387.800đ (*Hai mươi hai triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm đồng*)

- Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở Q.L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả số tiền 10.800.000đ (*Mười triệu, tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số 0003180 ngày 14/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.Đ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004279 ngày 03/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.Đ

- Bà Trịnh Thị Ng không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Y.Đ được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Y.Đ;
- Chi cục THADS huyện Y.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Hùng

